TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 19 – 3 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Sơn.
2. Ông Hồ Tấn Tài.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Tạ Duy Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thành Đ, sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành T và bà Phạm Thị T1; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án:

Ngày 21/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 30 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 38/2017/HSST, đến ngày 16/4/2020 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành các quyết định khác của bản án, chưa được xóa án tích.

Ngày 29/10/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 418/2021/HS-ST, đến ngày 02/10/2022 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành các quyết định khác của bản án, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2023 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Giang H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng: Hồ Thanh H1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/7/2023, Lê Thành Đ đi bộ từ khu phố B đến khu phố H, phường T để tìm tài sản để trộm cắp. Khi Đ đi đến trước số nhà A, khu phố H thì phát hiện 01 xe mô tô BKS 63T1 – 6611 của bà Nguyễn Thị Kim T2 dựng trước phòng trọ số 4 không có ai trông coi nên Đ liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc bà T2 không để ý, Đ dùng đoản chữ "L" mang theo từ trước bẻ khóa xe rồi nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Ngay lúc này, bà T2 phát hiện nên đuổi theo nhưng không kịp nên đến trình báo sự việc tại Công an phường T. Sau khi trộm cắp được xe mô tô BKS 63T1- 6611, Đ điều khiển xe đến khu vực gần ngã tư E sau đó dừng lại ăn tối tại quán ăn vỉa hè. Tại đây, Đ gặp và bán xe mô tô BKS 63T1-6611 cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 1.400.000 đồng, số tiền này Đ tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 31/7/2023, khi Đ đang nằm nghỉ trong phòng tại nhà nghỉ H2 thuộc khu phố B, phường T, thành phố T thì lực lượng Công an phường T kiểm tra hành chính phát hiện Đ cất giấu 01 đoạn sắt hình chữ "L" kích thước 3x13cm, 01 thanh sắt được mài dẹt một đầu kích thước 7cm, 01 bộ đồ gồm: 01 áo khoác màu xám; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày thể thao màu đen sọc trắng giống đối tượng mà bà T2 tố giác nên mời về trụ sở làm việc. Quá trình điều tra, bị can Lê Thành Đ thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 63T1 – 6611 vào ngày 29/7/2023.

Biên bản định giá tài sản và Bản Kết luận định giá tài sản ngày 08/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 xe mô tô BKS 6371-6611 trị giá 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ khai nhận hành vi phạm tội nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Điều tra thu thập.

Vật chứng vụ án: 01 đoạn sắt hình chữ "L" kích thước 3x13cm; 01 thanh sắt được mài dẹt một đầu kích thước 7cm; 01 áo khoác màu xám; 01 quần dài màu đen;01 đôi giày thể thao màu đen sọc trắng.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-TA ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Thành Đ về tội ‘‘Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thành Đ từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu thủy đối với 01 đoạn sắt hình chữ “L” kích thước 3x13cm; 01 thanh sắt được mài dẹt một đầu kích thước 7cm; 01 áo khoác màu xám; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày thể thao màu đen sọc trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim T2 yêu cầu bị cáo Lê Thành Đ bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bà T2 số tiền 7.000.000 đồng.

Đối với người đàn ông mua xe mô tô từ bị cáo Lê Thành Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được rõ lai lịch, địa chỉ nên sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Bị cáo Lê Thành Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy, đây là yêu cầu tự nguyện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; đồng thời việc vắng mặt của đương sự, người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng.

Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, biên bản giao nhận Cáo trạng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên; của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thành Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 29/7/2023, tại trước phòng trọ số 4, nhà trọ Nguyễn Thị T3, địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, thành phố T, bị can Lê Thành Đ có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô BKS 63T1-6611 trị giá 7.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim T2.

Tại Bản án số 418/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" đối với bị cáo, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo Lê Thành Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung hình phạt là "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, đã bị xử phạt và cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Lời đề nghị mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 đoạn sắt hình chữ "L" kích thước 3x13cm; 01 thanh sắt được mài dẹt một đầu kích thước 7cm là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 áo khoác màu xám; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày thể thao màu đen sọc trắng là những đồ vật bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim T2 yêu cầu bị cáo Lê Thành Đ bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên cần buộc bị cáo bồi thường số tiền trên cho bà T2.

[10] Đối với người đàn ông mua xe mô tô từ bị cáo Lê Thành Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được rõ lai lịch, địa chỉ nên sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 106, Điều 136, Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Các Điều 584, 585, Điều 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thành Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn sắt hình chữ "L" kích thước 3x13cm; 01 thanh sắt được mài dẹt một đầu kích thước 7cm, 01 áo khoác màu xám; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày thể thao màu đen sọc trắng.

(Theo B về việc bàn giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Thành Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim T2 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Thành Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh